

Ngày 08/9/2025
“V/v: xác nhận cha cho con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Hoàng Ngọc Hưng
Các Hội thẩm nhân dân: bà Tạ Thị Thê
ông Phạm Văn Toàn
- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Toà án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên
tòa: ông Đặng Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình) về việc “Xác nhận cha cho con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 18/8/2025, giữa:

- Nguyên đơn: chị Hoàng Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) “có mặt”.
- Bị đơn: anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) “có mặt”.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lê Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình) “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình) vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình anh chị có 02 con chung tên Lê Huyền T1, sinh ngày 13/7/2007 và cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 31/8/2011. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2017. Trong thời gian sống ly thân nhưng chưa ly hôn với anh T, chị có quan hệ tình cảm và đã có thai với anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) và ngày 23/10/2020

chị L sinh được 01 cháu gái, sau khi sinh chị dự định đặt tên cháu là Đinh Hoàng Diệu A (trong Giấy chứng sinh chưa đặt tên con dự kiến đặt).

Năm 2023, chị L và anh T ly hôn, quá trình giải quyết tại Tòa án chị L giấu không cho anh T và Tòa án biết là chị đã con riêng với người khác được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh T. Do đó, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình đã quyết định công nhận chị và anh T ly hôn, về con chung, xác định anh chị có 02 con chung là cháu T1 và cháu P, hai bên thống nhất giao cả 02 con cho chung chị L nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 01 lần cho chị L.

Sau khi ly hôn, chị L và anh B vẫn thường xuyên qua lại với nhau cùng chăm sóc con chung của anh chị, nhưng hai bên chưa đăng ký kết hôn và chị cũng không làm thủ tục khai sinh được cho cháu.

Ngày 16/6/2022, anh B có đề nghị Công ty TNHH D; địa chỉ: số C T, Y, Cầu G, thành phố Hà Nội xét nghiệm gen (ADN) của anh B và gen (ADN) của con do chị sinh ra ngày 23/10/2020 dự định đặt tên là Đinh Hoàng Diệu A theo Giấy chứng sinh số 08; quyền số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình, kết quả xét nghiệm ADN kết luận anh B có quan hệ huyết thống cha con với con do chị sinh ra ngày 23/10/2020.

Ngày 09/7/2025 chị L có đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định gen (ADN) của anh B và gen (ADN) của con do chị sinh ra ngày 23/10/2020 theo Giấy chứng sinh số 08; quyền số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình tại Phòng khám C. Ngày 17/7/2025, Phòng khám Đ số 11 thuộc Công ty TNHH M đã kết luận anh Đinh Văn B và con do chị sinh ra ngày 23/10/2020 (tên dự định đặt Đinh Hoàng Diệu O) CÓ QUAN HỆ HUYẾT THỐNG CHA - CON GÁI.

Về chi phí tố tụng: chị L xin tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) là cha đẻ của con do chị sinh ra ngày 23/10/2020 theo Giấy chứng sinh số 08; quyền số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đinh Văn B trình bày: anh B xác nhận năm 2017, anh có quen biết và phát sinh tình cảm với chị L như trình bày của chị L là đúng, khi đó anh không biết chị L và anh T chưa ly hôn mà mới chỉ sống ly thân do anh T đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Quá trình quen biết anh và chị L có quan hệ tình dục với nhau, chị L đã có thai và đến ngày 23/10/2020 chị L có sinh 01 cháu gái tại Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình, trong Giấy chứng sinh số 08; quyền số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình có ghi họ và tên người mẹ là Hoàng Thị L, sinh năm 1981, nơi ĐKTT: xã Y, huyện Y, mã số BHXH/thẻ BHYT số GB437372093329737604, dân tộc: kinh; họ và tên cha là Đinh Văn B; khi đó anh và chị L cũng không đăng ký kết hôn; do anh T đang làm việc tại nước ngoài nên anh T không biết về cháu Diệu A. Năm 2022 anh B có

đưa cháu Diệu A đến Công ty TNHH D; địa chỉ: C T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội để xét nghiệm AND. Công ty D đã tiến hành lấy mẫu và xét nghiệm cho anh và cháu Diệu A như sau:

+ Họ và tên: Đinh Văn B, sinh ngày 10/6/1972; quan hệ: cha giả định; loại mẫu: niêm mạc miệng; số CCCD:037072004215 cấp ngày 09/01/2022 tại Cục C1 Quản lý hành chính về trật tự xã hội; Quốc tịch: Việt Nam; ký hiệu mẫu: B4897.GP.

+ Họ và tên: Đinh Hoàng Diệu A, sinh ngày 23/10/2020; quan hệ: con giả định; loại mẫu: niêm mạc miệng; giấy chứng sinh: số 08 quyển số 08 cấp ngày 23/10/2020 tại Trung tâm y tế huyện Y; Quốc tịch: Việt Nam; ký hiệu mẫu: B4897.GP.

Kết quả kết luận: “Người có mẫu ghi tên Đinh Văn B có quan hệ huyết thống cha - con với người có mẫu ghi tên Đinh Hoàng Diệu A với độ tin cậy 99,999999%.

Đến năm 2023, anh T về nước và đã làm đơn khởi kiện lên Toà án nhân dân huyện Yên Mô xin ly hôn với chị Hoàng Thị L, Toà án đã ra “Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2023” công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị L. Về con chung anh T và chị L xác định anh chị có 02 con chung là cháu Lê Huyền T1 và cháu Lê Hoàng P, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Còn cháu Diệu A thì anh T không biết nên không trình bày với Tòa án khi giải quyết việc ly hôn giữa anh T và chị L.

Nay chị L có đơn khởi kiện yêu cầu xác nhận cha con, anh B đề nghị Tòa án xem xét xác nhận cháu Đinh Hoàng Diệu A, sinh ngày 23/10/2020 (tên này của cháu là do anh và chị L dự định đặt sau khi sinh, vì khi sinh cháu chưa dự định đặt tên cháu) do chị Hoàng Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) sinh ra ngày 23/10/2020 theo Giấy chứng sinh: số 08 quyển số 08 cấp ngày 23/10/2020 tại Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình là con đẻ của anh, anh B sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Diệu A cho đến khi cháu thành niên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lê Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh T có mặt tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L. Tòa án và chính quyền địa phương nơi cư trú của anh T đã đến nhà anh T làm việc, nhưng anh T và gia đình không hợp tác, không nhận bất kỳ văn bản nào của Tòa án.

Tại biên bản xác minh của Tòa án đối với ông Lê Văn T2 (bố đẻ anh T) cung cấp: anh T và chị L có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình và sinh sống tại với gia đình nhà ông. Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Lê Huyền T1, sinh năm 2007 và cháu Lê Hoàng P, sinh năm 2011.

Đến năm 2014 thì anh T và chị L sang Đài Loan làm việc. Đến năm 2017 chị L về nước nhưng không sinh sống với gia đình ông mà sinh sống trên xã Y, huyện Y; còn anh T vẫn làm việc bên Đài Loan. Do chị L không sinh sống cùng gia đình ông và anh T lúc đó đang làm việc bên Đài Loan, nên gia đình ông không biết chị L có quan hệ với người khác và có con riêng. Đến năm 2023 anh T về nước và anh T, chị L đã giải quyết ly hôn. Tại “Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự” anh T và chị L chỉ có 02 con chung là cháu T1 và cháu P. Nay chị L gửi đơn lên Tòa án nhân dân huyện Yên Mô yêu cầu giải quyết về việc “Xác nhận cha cho con”, anh T nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì anh T và gia đình ông mới biết chị L đã có con chung với người khác. Ông T2 xác nhận anh T, chị L chỉ có 02 con chung là cháu T1 và cháu P, còn chị L có con với người khác thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh T, anh T đã nhận được nhưng do anh T đi làm ăn nên không có thời gian đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 25/7/2025, UBND phường Y cung cấp như sau: anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) có quan hệ quen biết với chị Hoàng Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình). Anh B hiện đã ly hôn vợ, chị L đã ly hôn chồng, tuy nhiên anh B và chị L đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Trong thời gian quen biết anh B và chị L có 01 con chung, tại giấy chứng sinh có ghi họ tên mẹ: Hoàng Thị L, năm sinh 1981, nơi ĐKTT: Y, Y; họ và tên cha: Đinh Văn B; đã sinh con ngày 23/10/2020 tại Trung tâm y tế huyện Y; giới tính con: nữ. Năm 2020 sau khi sinh con, chị Hoàng Thị L có lên UBND xã Y (nay là UBND phường Y) làm giấy khai sinh cho con, tuy nhiên do khi chị L sinh con vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân với chồng cũ và nếu làm giấy khai sinh cho cháu thì trong giấy khai sinh sẽ mang họ của chồng cũ, nhưng chị L muốn làm giấy khai sinh cho con mang họ của anh Đinh Văn B, nên UBND xã không làm được giấy khai sinh cho cháu.

Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cha cho con, UBND phường đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án, sau khi Tòa án giải quyết xong vụ án và bản án có hiệu lực pháp luật thì UBND phường sẽ căn cứ vào bản án để làm giấy khai sinh cho con chung của anh B và chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn là chị L và bị đơn là anh B trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự các Điều 88, Điều 91, khoản 2 Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L, xác định anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) là cha đẻ của con do chị Hoàng Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) sinh ra ngày 23/10/2020 theo Giấy chứng sinh số 08; quyền số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Về án phí: anh Đinh Văn B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Về chi phí tố tụng: ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình) theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T.

[2] Về yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn: chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) là cha đẻ của con do chị L sinh ra ngày 23/10/2020 theo Giấy chứng sinh số 08; quyền số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình (trong Giấy chứng sinh chị L không điền thông tin về tên con dự định đặt); bị đơn là anh B yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L. Xét chị L kết hôn với anh T vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình và có 02 con chung là cháu Lê Huyền T1, sinh ngày 13/7/2007 và cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 31/8/2011. Ngày 18/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình giải quyết cho chị L và anh T được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2023 đã xác định anh T và chị L chỉ có 02 con chung là cháu T1 và cháu P.

Ngày 23/10/2020 chị L sinh thêm 01 con theo Giấy chứng sinh số 08; quyền số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Như vậy, chị L có thai trong thời kỳ hôn nhân (thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng) với anh T, mặc dù anh T không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L, nhưng chị L và anh B thống nhất anh B là cha đẻ của con do chị L sinh ra ngày 23/10/2020 theo Giấy chứng sinh số 08; quyền số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh

Ninh Bình phù hợp với kết quả xét nghiệm ADN ngày 18/6/2022 Công ty TNHH D và phù hợp với kết quả xét nghiệm ngày 17/7/2025, Phòng khám Đ số 11 thuộc Công ty TNHH M đều kết luận anh Đinh Văn B và con do chị L sinh ra ngày 23/10/2020 “CÓ QUAN HỆ HUYẾT THỐNG CHA - CON GÁI”.

Căn cứ vào các Điều 88, Điều 91, khoản 2 Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) là cha đẻ của con do chị L sinh ra ngày 23/10/2020 theo Giấy chứng sinh số 08; quyển số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí tố tụng: nguyên đơn chị Hoàng Thị L tự nguyện chịu toàn bộ, chị L đã thanh toán đầy đủ cho tổ chức giám định. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.2] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các Điều 88, Điều 91, khoản 2 Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị L về việc “Yêu cầu xác nhận cha cho con” đối với bị đơn anh Đinh Văn B.

Xác định anh Đinh Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) là cha đẻ của con do chị Hoàng Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: thôn V, phường Y, tỉnh Ninh Bình) sinh ra ngày 23/10/2020 theo Giấy chứng sinh số 08; quyển số: 08 ngày 23/10/2020 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí: anh Đinh Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND KV2-NB;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Yên Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Ngọc Hưng